



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH  
SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC  
HÙNG YÊN**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên theo Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 17/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0503000110 ngày 29/07/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 0900106390), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1021/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HST. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 29/12/2009.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2015: 15.000.000.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 601 Nguyễn Văn Linh, Phường An Tảo, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: (84) 321.3863892
- Fax: (84) 321.3864095
- Email: phs\_hy@yahoo.com.vn
- Website: www.sachhungyen.vn

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Phát hành sách giáo khoa, sách các loại;
- Kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Tư vấn du học;
- Đầu tư xây dựng trường học;
- Kinh doanh siêu thị;
- Sản xuất các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà hàng, khách sạn;
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh tua du lịch.

### Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 41 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                         |              |                          |
|-------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Luận   | Chủ tịch     | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Nguyễn Thành Luân | Phó Chủ tịch | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Vũ Thế Phương     | Ủy viên      | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Đặng Minh Hải     | Ủy viên      | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Đào Anh Sơn       | Ủy viên      | Trúng cử ngày 17/06/2015 |

### Ban kiểm soát

- |                       |            |                              |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trịnh Xuân Hiền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/06/2015     |
| • Ông Phạm Văn Nhung  | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 17/06/2015     |
| • Bà Bùi Thị Thùy     | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 17/06/2015 |

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                         |                |  |
|-------------------------|----------------|--|
| • Ông Nguyễn Thành Luân | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 01/07/2015                               |
| • Ông Nguyễn Văn Luận   | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 01/01/2011<br>Miễn nhiệm ngày 01/07/2015 |
| • Ông Vũ Thế Phương     | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2015                           |
| • Ông Đặng Minh Hải     | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 01/02/2016                               |
| • Bà Đinh Thị Bích Dung | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2015                           |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Văn Luận**

Hưng Yên, ngày 24 tháng 03 năm 2016



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 362/2016/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/03/2016, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 14, trong năm 2015, Công ty thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư là nhà cửa vật kiến trúc. Việc điều chỉnh này làm chi phí khấu hao năm nay tăng 400.940.347 đồng so với năm trước.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**



  
**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1  
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2016



**Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.173.917.974</b>	<b>6.584.780.517</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		557.735.717	984.219.359
1. Tiền	111	5	557.735.717	984.219.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.082.561.937	5.000.652.271
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.395.750.918	4.669.300.671
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	54.500.000	27.920.520
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	158.875.839	303.431.080
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(26.564.820)	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	533.620.320	599.908.887
1. Hàng tồn kho	141		533.620.320	599.908.887
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.069.787.279</b>	<b>16.764.958.326</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.450.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	1.450.000.000	500.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.444.319.216	4.962.915.977
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.444.319.216	4.962.915.977
- Nguyên giá	222		6.766.152.977	6.807.062.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.321.833.761)	(1.844.147.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	11.800.435.030	10.870.334.116
- Nguyên giá	231		13.884.100.451	12.395.786.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.083.665.421)	(1.525.452.468)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		323.117.000	323.117.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	323.117.000	323.117.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51.916.033	108.591.233
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	51.916.033	108.591.233
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.243.705.253</b>	<b>23.349.738.843</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.923.254.177</b>	<b>6.889.893.640</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.760.272.358</b>	<b>6.473.602.729</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.959.707.310	2.123.221.763
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	14.729.731	306.673.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	254.903.243	355.992.909
4. Phải trả người lao động	314		35.974.200	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	148.339.422	115.072.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21.a	247.254.545	316.327.272
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	5.579.110	386.056.260
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	6.090.000.000	2.850.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.784.797	20.258.797
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>162.981.819</b>	<b>416.290.911</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21.b	162.981.819	416.290.911
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.320.451.076</b>	<b>16.459.845.203</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>16.320.451.076</b>	<b>16.459.845.203</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	245.864.900	245.864.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	24	21.324.550	21.324.550
4. Cổ phiếu quỹ	415	24	(116.756.000)	(116.756.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	619.613.753	575.911.208
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	550.403.873	733.500.545
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	24	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	24	550.403.873	733.500.545
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.243.705.253</b>	<b>23.349.738.843</b>

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
  
Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu



Đinh Thị Bích Dung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	38.429.121.248	35.387.344.233
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	884.047.973	454.716.242
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		37.545.073.275	34.932.627.991
4. Giá vốn hàng bán	11	27	33.772.575.102	31.491.239.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>3.772.498.173</u>	<u>3.441.388.559</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	198.735.608	78.471.288
7. Chi phí tài chính	22	29	478.190.540	224.261.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		415.630.232	186.919.500
8. Chi phí bán hàng	25	30.a	186.046.496	243.994.320
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30.b	2.445.921.326	2.127.090.071
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>861.075.419</u>	<u>924.514.456</u>
11. Thu nhập khác	31	31	72.097.109	20.569.436
12. Chi phí khác	32	32	206.351.937	33.999.957
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(134.254.828)</u>	<u>(13.430.521)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>726.820.591</u>	<u>911.083.935</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	176.416.718	177.583.390
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>550.403.873</u>	<u>733.500.545</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	370	479
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	370	479



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Dung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		36.299.329.296	33.091.126.046
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(33.362.894.382)	(31.245.816.593)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.048.957.329)	(1.016.735.524)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	20, 29	(382.362.810)	(108.860.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	19	(226.201.184)	(176.442.241)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		584.517.087	546.247.788
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.034.232.047)	(1.400.687.479)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(170.801.369)</b>	<b>(311.168.003)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14	(1.520.467.867)	(323.117.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	8	(1.450.000.000)	(500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 28	144.583.594	18.471.288
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.825.884.273)</b>	<b>(304.645.712)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	23	11.065.000.000	1.440.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(7.825.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	24	(669.798.000)	(669.798.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.570.202.000</b>	<b>770.202.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(426.483.642)</b>	<b>154.388.285</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		984.219.359	829.831.074
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>557.735.717</b>	<b>984.219.359</b>

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
  
Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu



Đinh Thị Bích Dung

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên theo Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 17/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0503000110 ngày 29/07/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 0900106390), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2015: 15.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1021/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HST. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 29/12/2009.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Phát hành sách các loại; giáo dục nghề nghiệp; cho thuê mặt bằng.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Phát hành sách giáo khoa, sách các loại;
- Kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Tư vấn du học;
- Đầu tư xây dựng trường học;
- Kinh doanh siêu thị;
- Sản xuất các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà hàng, khách sạn;
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh tua du lịch.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 40) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>	
	Năm 2014	Năm 2015
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25	12 - 20
Phương tiện vận tải	10	10

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc nhằm đảm bảo sự hợp lý hơn về thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này (Thuyết minh số 12).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao

### **4.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>	
	Năm 2014	Năm 2015
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	7 - 50

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số bất động sản đầu tư nhằm đảm bảo sự hợp lý hơn về thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này (Thuyết minh số 14).

### **4.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty là chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.

### **4.13 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.21 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%;
  - ✓ Đối với các sản phẩm khác như tem, nhãn, mẫu biểu, một số thiết bị... áp dụng thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - ✓ Đối với hoạt động giáo dục – đào tạo của Trường THPT Ngô Quyền: Được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo. Năm 2010, Công ty bắt đầu có thu nhập chịu thuế từ hoạt động của trường Ngô Quyền, do đó Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50% thuế TNDN từ năm 2014 đến năm 2018.  
Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp này được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN.
  - ✓ Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	76.650.000	208.577.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	481.085.717	775.642.359
<b>Cộng</b>	<b>557.735.717</b>	<b>984.219.359</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Nguyễn Thị Thu Hương - Yên Mỹ	2.502.146.740	1.246.059.280
Trần Thị Thủy - Văn Lâm- Hưng Yên	131.643.068	1.066.601.624
Trần Thị Bình - Văn Giang	774.040.260	-
Các đối tượng khác	1.987.920.850	2.356.639.767
<b>Cộng</b>	<b>5.395.750.918</b>	<b>4.669.300.671</b>

### 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP ĐT&PT Trường phổ thông Công nghệ giáo dục	-	27.920.520
Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Hưng	42.000.000	-
Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường	12.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>54.500.000</b>	<b>27.920.520</b>

### 8. Phải thu về cho vay

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Bà Nguyễn Ngọc Hằng (*)	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Cho bà Nguyễn Ngọc Hằng vay theo hợp đồng số 01/2014/HĐCV ngày 28/06/2014, thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày 01/07/2014 với lãi suất 10%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: ngày cuối cùng của thời hạn cho vay.

#### b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Bà Nguyễn Ngọc Hằng	-	500.000.000
Ông Vũ Trọng Tuấn (**)	350.000.000	-
Hiệu sách nhân dân Yên Mỹ (***)	1.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

(\*\*) Cho ông Vũ Trọng Tuấn vay theo hợp đồng số 05/2015/HĐCVV ngày 16/11/2015, thời hạn cho vay là 3 năm kể từ ngày 16/11/2015 với lãi suất 12%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: do 2 bên thỏa thuận trong thời hạn của hợp đồng. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(\*\*\*) Cho Hiệu sách nhân dân Yên Mỹ vay theo hợp đồng số 04/2015/HĐCVV ngày 23/07/2015, thời hạn cho vay là 2 năm kể từ ngày 23/07/2015 với lãi suất 12%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: do 2 bên thỏa thuận trong thời hạn của hợp đồng. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.

### 9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	95.986.995	-	212.779.815	-
Phải thu về tiền điện, thuế...	2.171.141	-	2.400.867	-
Lãi cho vay phải thu	40.901.620	-	60.000.000	-
Các khoản tạm ứng	-	-	5.202.957	-
Phải thu khác	19.816.083	12.009.520	23.047.441	-
<b>Cộng</b>	<b>158.875.839</b>	<b>12.009.520</b>	<b>303.431.080</b>	<b>-</b>

### 10. Dự phòng phải thu khó đòi

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	26.564.820	-
- Từ 3 năm trở lên	4.202.957	-
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.099.800	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	16.262.063	-
<b>Cộng</b>	<b>26.564.820</b>	<b>-</b>

#### b. Nợ xấu

	31/12/2015			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	25.625.600	11.070.300		
- Trường THPT DL Kim Động (Nguyễn Trãi)	8.714.000	2.614.200	2-3 năm	Quá hạn thanh toán
- Trường THPT Phạm Ngũ Lão	14.274.600	7.137.600	1-2 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	2.637.000	1.318.500	1-2 năm	Quá hạn thanh toán
Phải thu khác	19.816.083	7.806.563		
- Công ty TNHH MTV Thời Trang Kico	15.613.126	7.806.563	1-2 năm	Quá hạn thanh toán
- Nguyễn Quang Hưng	4.202.957	-	Trên 3 năm	Nhân viên đã nghỉ việc, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>45.441.683</b>	<b>18.876.863</b>		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	533.620.320	-	599.908.887	-
<b>Cộng</b>	<b>533.620.320</b>	<b>-</b>	<b>599.908.887</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	6.184.500.291	622.562.686	6.807.062.977
Tăng trong kỳ	-	-	-
T/lý, nhượng bán	40.910.000	-	40.910.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.143.590.291</b>	<b>622.562.686</b>	<b>6.766.152.977</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	1.499.548.775	344.598.225	1.844.147.000
Khấu hao trong kỳ	547.074.689	46.979.910	594.054.599
T/lý, nhượng bán	8.863.833	-	8.863.833
Giảm khác	107.504.005	-	107.504.005
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.930.255.626</b>	<b>391.578.135</b>	<b>2.321.833.761</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	4.684.951.516	277.964.461	4.962.915.977
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.213.334.665</b>	<b>230.984.551</b>	<b>4.444.319.216</b>

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2015 .
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 152.763.595 đồng.

(\*) Như đã nêu trong Thuyết minh số 4.5, việc thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc dẫn đến tổng chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình của năm 2015 tăng 263.839.587 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	40.000.000	40.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	40.000.000	40.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2015
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 40.000.000 đồng.

### 14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	12.395.786.584	12.395.786.584
Tăng trong kỳ	1.520.467.867	1.520.467.867
Thanh lý, nhượng bán	32.154.000	32.154.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.884.100.451</b>	<b>13.884.100.451</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu kỳ	1.525.452.468	1.525.452.468
Khấu hao trong kỳ	482.862.948	482.862.948
Tăng khác	107.504.005	107.504.005
Thanh lý, nhượng bán	32.154.000	32.154.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.083.665.421</b>	<b>2.083.665.421</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	10.870.334.116	10.870.334.116
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.800.435.030</b>	<b>11.800.435.030</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Giá trị còn lại của BĐSĐT đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2015 là 9.567.856.395 đồng.
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 191.611.118 đồng.

(\*) Như đã nêu trong Thuyết minh số 4.7, việc thay đổi thời gian khấu hao của một số bất động sản đầu tư dẫn đến tổng chi phí khấu hao bất động sản đầu tư của năm 2015 tăng 137.100.760 đồng.

### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Xây dựng cơ bản	323.117.000	323.117.000
- Cải tạo nâng cấp siêu thị sách Hưng Yên	323.117.000	323.117.000
<b>Cộng</b>	<b>323.117.000</b>	<b>323.117.000</b>

### 16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.518.333	23.795.833
Chi phí sửa chữa TSCĐ	42.397.700	84.795.400
<b>Cộng</b>	<b>51.916.033</b>	<b>108.591.233</b>

### 17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	869.068.001	920.906.615
Ngô Thu Huyền	434.541.450	474.637.192
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	262.581.332	-
Các đối tượng khác	393.516.527	727.677.956
<b>Cộng</b>	<b>1.959.707.310</b>	<b>2.123.221.763</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trường THPT Yên Mỹ	-	75.000.120
Bà Hoa - Sách mầm non PGD Thành phố	-	138.185.984
Nguyễn Thị Vinh _ PGD Mỹ Hào	10.716.343	1.000.000
Các đối tượng khác	4.013.388	92.487.624
<b>Cộng</b>	<b>14.729.731</b>	<b>306.673.728</b>

### 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	68.948.703	45.620.358	91.482.558	23.086.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	281.601.206	176.416.718	226.201.184	231.816.740
Thuế thu nhập cá nhân	5.443.000	41.614.185	47.057.185	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	242.699.700	242.699.700	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>355.992.909</b>	<b>510.350.961</b>	<b>611.440.627</b>	<b>254.903.243</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Lãi vay phải trả	148.339.422	115.072.000
<b>Cộng</b>	<b>148.339.422</b>	<b>115.072.000</b>

### 21. Doanh thu chưa thực hiện

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Doanh thu cho thuê mặt bằng	247.254.545	316.327.272
<b>Cộng</b>	<b>247.254.545</b>	<b>316.327.272</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Doanh thu cho thuê mặt bằng	162.981.819	416.290.911
<b>Cộng</b>	<b>162.981.819</b>	<b>416.290.911</b>

**22. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
Sở Giáo dục tỉnh Hưng Yên	-	376.443.276
Phải trả khác	5.579.110	9.612.984
<b>Cộng</b>	<b>5.579.110</b>	<b>386.056.260</b>

**23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	2.850.000.000	11.065.000.000	7.825.000.000	6.090.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hưng Yên	-	9.800.000.000	7.200.000.000	2.600.000.000
- Vay cá nhân	2.850.000.000	1.265.000.000	625.000.000	3.490.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.850.000.000</b>	<b>11.065.000.000</b>	<b>7.825.000.000</b>	<b>6.090.000.000</b>

**24. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	sau thuế chưa phân phối	C
Số dư tại 01/01/2014	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	427.786.082	113.686.058	744.237.068	16.436.142.6
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	34.439.068	-	733.500.545	767.939.6
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	744.237.068	744.237.0
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>245.864.900</b>	<b>21.324.550</b>	<b>(116.756.000)</b>	<b>462.225.150</b>	<b>113.686.058</b>	<b>733.500.545</b>	<b>16.459.845.2</b>
Chuyển số dư (*)					113.686.058	(113.686.058)		
Số dư tại 01/01/2015	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	575.911.208	-	733.500.545	16.459.845.2
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	43.702.545	-	550.403.873	594.106.4
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	733.500.545	733.500.5
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>245.864.900</b>	<b>21.324.550</b>	<b>(116.756.000)</b>	<b>619.613.753</b>	<b>-</b>	<b>550.403.873</b>	<b>16.320.451.0</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(\*) Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

### b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2015	Năm 2014
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>669.798.000</b>	<b>669.798.000</b>

### c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	11.560	11.560
- Cổ phiếu phổ thông	11.560	11.560
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.488.440	1.488.440
- Cổ phiếu phổ thông	1.488.440	1.488.440
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	733.500.545	744.237.068
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	550.403.873	733.500.545
Phân phối lợi nhuận	733.500.545	744.237.068
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	733.500.545	744.237.068
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	43.702.545	34.439.068
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.000.000	40.000.000
+ Trả cổ tức bằng tiền	669.798.000	669.798.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>550.403.873</b>	<b>733.500.545</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2015-2020 ngày 17/06/2015.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/06/2015 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 4,5% vốn điều lệ (tương ứng 669.798.000 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2015.

### 25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
- Doanh thu bán hàng hóa	35.584.318.884	33.172.606.598
+ <i>Doanh thu bán sách giáo khoa</i>	14.208.232.569	12.093.958.901
+ <i>Doanh thu bán sách bài tập</i>	14.245.147.518	14.297.227.105
+ <i>Doanh thu bán sách tham khảo, ấn phẩm, thiết bị, khác</i>	7.130.938.797	6.781.420.592
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.583.196.364	995.263.635
- Doanh thu dịch vụ trường THPT Ngô Quyền	1.261.606.000	1.219.474.000
<b>Cộng</b>	<b>38.429.121.248</b>	<b>35.387.344.233</b>

### 26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Chiết khấu thương mại	585.519.366	245.617.531
Giảm giá hàng bán	10.619.280	-
Hàng bán bị trả lại	287.909.327	209.098.711
<b>Cộng</b>	<b>884.047.973</b>	<b>454.716.242</b>

### 27. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
- Giá vốn hàng hóa đã bán	31.923.189.458	30.310.507.914
+ <i>Sách giáo khoa</i>	13.556.177.845	11.229.053.443
+ <i>Sách bài tập</i>	12.866.268.171	13.194.322.664
+ <i>Sách tham khảo, ấn phẩm, thiết bị, khác</i>	5.500.743.442	5.887.131.807
- Giá vốn dịch vụ cho thuê mặt bằng	482.862.948	166.541.595
- Giá vốn dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	1.366.522.696	1.014.189.923
<b>Cộng</b>	<b>33.772.575.102</b>	<b>31.491.239.432</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	125.485.214	78.471.288
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	73.250.394	-
<b>Cộng</b>	<b>198.735.608</b>	<b>78.471.288</b>

### 29. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	415.630.232	186.919.500
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	55.563.308	37.341.500
Chi phí tài chính khác	6.997.000	-
<b>Cộng</b>	<b>478.190.540</b>	<b>224.261.000</b>

### 30. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	43.305.100	37.948.400
Chi phí hội nghị	91.608.000	93.517.000
Các khoản khác	51.133.396	112.528.920
<b>Cộng</b>	<b>186.046.496</b>	<b>243.994.320</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân công	1.069.738.566	1.101.036.751
Thù lao HĐQT, BKS	100.200.000	94.500.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.759.948	219.792.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.570.505	90.795.469
Các khoản khác	795.652.307	620.965.149
<b>Cộng</b>	<b>2.445.921.326</b>	<b>2.127.090.071</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. Thu nhập khác**

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền phạt thu được	3.396.000	-
Xử lý hàng thừa kiểm kê	64.812.203	19.314.394
Thu nhập từ thanh lý sách	-	460.000
Thu nhập khác	3.888.906	795.042
<b>Cộng</b>	<b>72.097.109</b>	<b>20.569.436</b>

**32. Chi phí khác**

	Năm 2015	Năm 2014
Xử lý hàng thiếu kiểm kê	65.315.175	20.707.012
GTCL của TSCĐ thanh lý	32.046.167	-
Phạt vi phạm hợp đồng	99.000.000	-
Giá vốn sách thanh lý	-	12.033.144
Chi phí khác	9.990.595	1.259.801
<b>Cộng</b>	<b>206.351.937</b>	<b>33.999.957</b>

**33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	726.820.591	911.083.935
- Lợi nhuận từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và hoạt động khác	831.737.287	705.799.858
- Lợi nhuận từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	(104.916.696)	205.284.077
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	75.073.580	54.741.895
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ + thù lao HĐQT không tham gia điều hành)	75.073.580	54.741.895
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	801.894.171	965.825.830
- Thu nhập từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và hoạt động khác	906.810.867	760.541.753
- Thu nhập từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	(104.916.696)	205.284.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176.416.718	187.847.594
- Thuế TNDN từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và h/động khác	176.416.718	167.319.186
- Thuế TNDN từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	-	20.528.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	10.264.204
- Thuế TNDN từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	-	10.264.204
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>176.416.718</b>	<b>177.583.390</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	176.416.718	177.583.390
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 34. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	550.403.873	733.500.545
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(20.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	20.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	550.403.873	713.500.545
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.488.440	1.488.440
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>370</b>	<b>479</b>

(\*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2015 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đưa ra tỷ lệ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3%-5% lợi nhuận sau thuế. Tuy nhiên, do kết quả kinh doanh năm 2015 không đạt kế hoạch đề ra nên việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### 35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.077.220	23.503.978
Chi phí nhân công	1.441.065.967	1.386.638.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.076.917.547	616.987.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	922.676.337	586.390.964
Chi phí khác bằng tiền	995.051.575	1.021.195.455
<b>Cộng</b>	<b>4.454.788.646</b>	<b>3.634.716.840</b>

### 36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc đánh giá rằng, Công ty hoạt động trong lĩnh vực mua bán sách, thiết bị trường học; dạy học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Do đó, báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Hoạt động bán hàng hóa, cho thuê TSCĐ, khác		Hoạt động dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền		Tổng cộng	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bộ phận	36.283.467.275	33.713.153.991	1.261.606.000	1.219.474.000	37.545.073.275	34.932.627.991
Chi phí bộ phận	35.172.275.056	32.861.564.421	1.366.522.696	1.014.189.923	36.538.797.752	33.875.754.344
<i>Trong đó: Chi phí khấu hao</i>	<i>627.622.896</i>	<i>384.523.246</i>	<i>449.294.651</i>	<i>232.464.698</i>	<i>1.076.917.547</i>	<i>616.987.944</i>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>1.111.192.219</b>	<b>851.589.570</b>	<b>(104.916.696)</b>	<b>205.284.077</b>	<b>1.006.275.523</b>	<b>1.056.873.647</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	198.735.608	78.471.288	-	-	198.735.608	78.471.288
Chi phí hoạt động tài chính	478.190.540	224.261.000	-	-	478.190.540	224.261.000
<b>Lãi/lỗ hoạt động tài chính</b>	<b>(279.454.932)</b>	<b>(145.789.712)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(279.454.932)</b>	<b>(145.789.712)</b>
<b>Lãi/lỗ trước thuế</b>	<b>831.737.287</b>	<b>705.799.858</b>	<b>(104.916.696)</b>	<b>205.284.077</b>	<b>726.820.591</b>	<b>911.083.935</b>
Thuế TNDN	176.416.718	167.319.186	-	10.264.204	176.416.718	177.583.390
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>655.320.569</b>	<b>538.480.672</b>	<b>(104.916.696)</b>	<b>195.019.873</b>	<b>550.403.873</b>	<b>733.500.545</b>
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>21.778.878.898</b>	<b>19.469.349.836</b>	<b>3.464.826.355</b>	<b>3.880.389.007</b>	<b>25.243.705.253</b>	<b>23.349.738.843</b>
- Tài sản ngắn hạn	7.140.185.974	6.584.780.517	33.732.000	-	7.173.917.974	6.584.780.517
- Tài sản dài hạn	14.638.692.924	12.884.569.319	3.431.094.355	3.880.389.007	18.069.787.279	16.764.958.326
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>8.923.254.177</b>	<b>6.889.893.640</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.923.254.177</b>	<b>6.889.893.640</b>
- Nợ ngắn hạn	8.760.272.358	6.473.602.729	-	-	8.760.272.358	6.473.602.729
- Nợ dài hạn	162.981.819	416.290.911	-	-	162.981.819	416.290.911

**37. Quản lý rủi ro**

**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo hình thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Phòng Giáo dục và các trường học trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Đây là các khách hàng truyền thống, có phát sinh giao dịch thường xuyên, thời hạn thanh toán kịp thời. Do đó, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro về tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2015</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	1.959.707.310	-	1.959.707.310
Chi phí phải trả	148.339.422	-	148.339.422
Vay và nợ thuê tài chính	6.090.000.000	-	6.090.000.000
Phải trả khác	5.579.110	-	5.579.110
<b>Cộng</b>	<b>8.203.625.842</b>	<b>-</b>	<b>8.203.625.842</b>
<u>01/01/2015</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	2.123.221.763	-	2.123.221.763
Chi phí phải trả	115.072.000	-	115.072.000
Vay và nợ thuê tài chính	2.850.000.000	-	2.850.000.000
Phải trả khác	386.056.260	-	386.056.260
<b>Cộng</b>	<b>5.474.350.023</b>	<b>-</b>	<b>5.474.350.023</b>

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hiện đang có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2015</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	557.735.717	-	557.735.717
Phải thu khách hàng	5.381.195.618	-	5.381.195.618
Phải thu về cho vay	500.000.000	1.450.000.000	1.950.000.000
Phải thu khác	146.866.319	-	146.866.319
<b>Cộng</b>	<b>6.585.797.654</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>8.035.797.654</b>

<u>01/01/2015</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	984.219.359	-	984.219.359
Phải thu khách hàng	4.669.300.671	-	4.669.300.671
Phải thu về cho vay	-	500.000.000	500.000.000
Phải thu khác	298.228.123	-	298.228.123
<b>Cộng</b>	<b>5.951.748.153</b>	<b>500.000.000</b>	<b>6.451.748.153</b>

### 38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 39. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Chung Giám đốc công ty

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	<u>Giao dịch</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Cho thuê mặt bằng	229.472.728	319.367.922
	Cho vay	930.000.000	-
	Thu hồi tiền cho vay	790.000.000	-
	Bù trừ công nợ	140.000.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Khoản mục	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Phải thu khách hàng	-	13.440.000
	Phải thu khác (Lãi cho vay)	1.401.620	-

### d. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2015	Năm 2014
Lương Ban Giám đốc	241.227.500	201.812.600
Thù lao Hội đồng quản trị	60.600.000	75.800.000

## 40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn khác	298.228.123	303.431.080
Tài sản ngắn hạn khác	5.202.957	-
Đầu tư dài hạn khác	500.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	500.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	316.327.272
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	732.618.183	416.290.911
Quỹ đầu tư phát triển	462.225.150	575.911.208
Quỹ dự phòng tài chính	113.686.058	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2014 (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	493	479



**Nguyễn Văn Luận**

Hưng Yên, ngày 15 tháng 03 năm 2016

**Kế toán trưởng**

**Đinh Thị Bích Dung**

**Người lập biểu**

**Đinh Thị Bích Dung**

